TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH L	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36**/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 25 - 4 - 2024
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Mai Lương Anh;

2.Ông Nguyễn Minh Sơn.

- T ký phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Quang - T ký Toà án nhân dân thành phố Đ - tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ - tỉnh L *tham gia phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 789/2023/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị T, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn 1, xã Hà Lâm, huyện Đ, tỉnh L.

Bị đơn: Anh Nguyễn Cửu Đ, sinh năm: 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 54/2 (số cũ tổ 60 C37), đường N, Phường M, thành phố Đ, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Lương Thị T thì*: Giữa chị và anh Nguyễn Cửu Đ đăng ký kết hôn năm 2007; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, thành phố Đ; hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới vợ chồng chị sống chung cùng gia đình chồng tại Phường M, thành phố Đ được 3 tháng, thời gian sau chị chuyển về Đạ Huoai sinh sống cùng gia đình chị, còn anh Đ làm nghề lái xe chủ yếu đi xe ít khi về nhà. Cuộc sống chung hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên

nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng về quan điểm sống, anh Đ đi xe Tờng xuyên nên ít khi về nhà và còn có mối quan hệ với nhiều phụ nữ bên ngoài. Vợ chồng chị đã sống ly thân khoảng 02 năm nay, hiện nay anh Đ sống cùng gia đình anh tại số 54/2 (số cũ tổ 60 C37), đường Nguyên Tử Lực, Phường 8, thành phố Đ, tỉnh L, nhưng do công việc của anh Đ là lái xe đường dài Tờng xuyên vắng nhà. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Cửu Đăng K, sinh ngày 10/01/2008 và Nguyễn Cửu Minh T, sinh ngày 10/10/2011, hiện nay các con đang sống cùng chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, việc cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Theo bản tự khai và trình bày của bị đơn anh Nguyễn Cửu Đ thì*:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T đăng ký kết hôn năm 2007; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, thành phố Đ; hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới vợ chồng sống chung cùng gia đình anh tại Phường M, thành phố Đ. Cuộc sống chung hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng về quan điểm sống, anh chạy xe hàng nên ít khi về nhà. Vợ chồng anh đã sống ly thân 02 năm nay, hiện nay anh sống cùng gia đình anh tại số 54/2 (số cũ tổ 60 C37), đường N, Phường M, thành phố Đ, tỉnh L; nhưng do công việc của anh chạy xe, nên lâu lâu anh mới ghé về nhà. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Cửu Đăng K, sinh ngày 10/01/2008 và Nguyễn Cửu Minh T, sinh ngày 10/10/2011. Ly hôn anh đồng ý giao các con chung cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, vì anh hay vắng nhà không có điều kiện lo cho con, việc cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng sống anh không có nợ chung, nên không không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ vắng mặt nên việc hòa giải không thành.

Tại phiên tòa: Các bên đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên toà sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định giải quyết vắng. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị T; cho chị Lương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Cửu Đ; về con chung đề nghị giao 02 con chung là Nguyễn Cửu Đăng K, sinh ngày 10/01/2008 và Nguyễn Cửu Minh T, sinh ngày 10/10/2011 cho chị T được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, việc cấp dưỡng nuôi con đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa chị Lương Thị T và anh Nguyễn Cửu Đ kết hôn với nhau vào năm 2007, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ, nên xác định quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật dân sự năm 2015; bị đơn anh Đ hiện cư trú tại Phường 8, thành phố Đ, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các bên đương sự, nhưng tại phiên tòa chị T và anh Đ đều vắng mặt và có đơn xin được xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đ kết hôn với nhau vào năm 2007 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 8, thành phố Đ, tỉnh L. Theo trình bày của các đương sự thì vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, anh Đ chạy xe Tòng xuyên vắng nhà, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên đương sự để tiến hành hòa giải nhưng anh Đ có đơn xin vắng mặt và cũng thống nhất đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Đ đã trầm trọng kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được. Vì vậy căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T và anh Đ được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3.2] Về con chung: Các đương sự xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Cửu Đăng K, sinh ngày 10/01/2008 và Nguyễn Cửu Minh T, sinh ngày 10/10/2011. Quá trình giải quyết vụ án chị T có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung; anh Đ cũng thống nhất giao con chung cho chị T được quyền nuôi dưỡng; mặt khác theo văn bản trình bày của cháu K và cháu T thì các cháu đều có nguyện vọng được sống cùng chị T; nên cần tiếp tục giao con chung Nguyễn Cửu Đăng K và Nguyễn Cửu Minh T cho chị T được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự xác định vợ chồng sẽ tự thỏa thuận về việc dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của nguyên đơn chị Lương Thị T đối với bị đơn anh Nguyễn Cửu Đ.

Xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lương Thị T và anh Nguyễn Cửu Đ được ly hôn.

2/Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Cửu Đăng K, sinh ngày 10/01/2008 và Nguyễn Cửu Minh T, sinh ngày 10/10/2011 cho chị Lương Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con thành niên, việc cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003025 ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, chị T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15*(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS tp. Đ;
- UBND Phường 8, thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Trần Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lan